

CÔNG KHAI SỔ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Thứ bảy , ngày 10 tháng 01 năm 2026

TT	Diễn giải	ĐVT	Tổng Cộng			Trẻ 24 - 36 tháng tuổi			Trẻ 36 - 72 tháng tuổi		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9			
Hôm trước chuyển sang					1,440			-50.8			1,490.8
Xuất ăn và tiêu chuẩn trong ngày				38	1,406,000	37,000	8	296,000	37,000	30	1,110,000
Được chi trong ngày					1,407,440		295,949.2				1,111,490.8
Đã chi trong ngày					1,402,280			294,925			1,107,355
Đi chợ					1,402,280			294,925			1,107,355
1	Bánh canh	Kg	19,300	2.5	48,250	19,300	0.5	9,650	19,300	2	38,600
2	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	57,800	1.5	86,700	57,800	0.1	5,780	57,800	1.4	80,920
3	Ngò rí	Kg	89,300	0.1	8,930	89,300	0.05	4,465	89,300	0.05	4,465
4	Hành lá	Kg	54,600	0.2	10,920	54,600	0.1	5,460	54,600	0.1	5,460

TT	Diễn giải	ĐVT	Tổng Cộng			Trẻ 24 - 36 tháng tuổi			Trẻ 36 - 72 tháng tuổi		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9			
5	Thịt cốt lếch	Kg	186,900	0.5	93,450	186,900	0.2	37,380	186,900	0.3	56,070
6	Gạo tẻ	Kg	25,200	3.8	95,760	25,200	0.6	15,120	25,200	3.2	80,640
7	Bí đao (bí xanh)	Kg	46,200	1.3	60,060	46,200	0.4	18,480	46,200	0.9	41,580
8	Cà chua	Kg	78,800	1.3	102,440	78,800	0.3	23,640	78,800	1	78,800
9	Tôm biển	Kg	320,300	0.4	128,120	320,300	0.1	32,030	320,300	0.3	96,090
10	Bánh Solite	Cái	300,000	0.5	150,000	300,000	0.1	30,000	300,000	0.4	120,000
11	Muối iốt	Kg	10,600	0.5	5,300	10,600	0.1	1,060	10,600	0.4	4,240
12	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	62,800	0.5	31,400	62,800	0.15	9,420	62,800	0.35	21,980
13	Nạc dăm xay	Kg	185,900	2.5	464,750	185,900	0.4	74,360	185,900	2.1	390,390
14	Đường cát Biên Hòa	Kg	38,800	0.5	19,400	38,800	0.1	3,880	38,800	0.4	15,520
15	Nước mắt Barona	Chai	48,400	2	96,800	48,400	0.5	24,200	48,400	1.5	72,600
Chi kho lũy kể từ đầu tháng					0			0			0

TT	Diễn giải	ĐVT	Tổng Cộng			Trẻ 24 - 36 tháng tuổi			Trẻ 36 - 72 tháng tuổi		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9			
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				20,122,840			3,735,450			16,387,390
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			544			101			443	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				20,128,000			3,737,000			16,391,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				20,122,840			3,735,450			16,387,390
	Chênh lệch cuối ngày				5,160			1,024.2			4,135.8

Cấp Dưỡng

Phó Hiệu Trưởng



Nguyễn Thị Thúy

Phan Thị Thanh Hà